



**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**



**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin chung về Quỹ	1
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ và phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ của Ban Đại diện Quỹ	2
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	5
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	12
Báo cáo thu nhập giữa niên độ (Mẫu số B 01g – QM)	15
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (Mẫu số B 02g – QM)	17
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ giữa niên độ (Mẫu số B 03g – QM)	19
Báo cáo danh mục đầu tư (Mẫu số B 04g – QM)	20
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Mẫu số B 05g – QM)	22
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (Mẫu số B 06g – QM)	24

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

**Giấy chứng nhận đăng ký lập
Quỹ đại chúng**

36/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 3 tháng 4 năm 2019

14/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 24 tháng 5 năm 2021 về việc đổi tên quỹ

Ban đại diện Quỹ

Bà Nguyễn Bội Hồng Lê	Chủ tịch
Bà Vương Thị Hoàng Yến	Thành viên
Bà Trần Ngọc Hân	Thành viên

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)

Trụ sở đăng ký

Lầu 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
VÀ PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Dragon Capital Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ Đầu Tư Trái phiếu Gia tăng Thu nhập Cố định DC (“Quỹ”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động, thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở Quỹ hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ với mức độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 4 của báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động, thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở bao gồm Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục (“ETF”) và quỹ mở, Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ 



Nguyễn Bội Hồng Lê
Chủ tịch
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 11 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CỔ ĐỊNH DC

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu Tư Trái phiếu Gia tăng Thu nhập Cổ định DC (tên trước đây là Quỹ Đầu Tư Định Hướng Bảo Toàn Vốn Việt Nam) (“Quỹ”) được lập ngày 30 tháng 6 năm 2021, và được Ban Đại diện Quỹ phê chuẩn ngày 11 tháng 8 năm 2021. Báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm: báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 15 đến trang 55.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản Dragon Capital Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”)

Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở bao gồm Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở (“Thông tư số 198/2012/TT-BTC”), Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục (“ETF”) và quỹ mở (“Thông tư số 181/2015/TT-BTC”), Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư số 98/2020/TT-BTC”) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các quỹ mở. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề nào đáng lưu ý để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quý tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động, thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quý cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở bao gồm Thông tư số 198/2012/TT-BTC, Thông tư số 181/2015/TT-BTC, Thông tư số 98/2020/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho quỹ mở.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM11089
Thành phố Hồ Chí Minh
Ngày 11 tháng 8 năm 2021

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

**1 THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM) (“QUỸ”)**

1.1 Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu của Quỹ được đặt ra phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Quỹ, tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tăng 383,02% trong khi giá trị tài sản ròng (NAV) trên một chứng chỉ quỹ giảm 2,84% so với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2020.

1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư của Quỹ là dựa trên cơ sở phân tích biến động kinh tế vĩ mô, phân tích xu hướng biến động của thị trường tiền tệ và thị trường chứng khoán nợ, áp dụng các mô hình kỹ thuật, thống kê hoặc phân tích về tổ chức phát hành để đưa ra các quyết định đầu tư với mục tiêu đem lại lợi nhuận phù hợp với thời hạn đầu tư kỳ vọng của người đầu tư.

1.4 Phân loại Quỹ

Quỹ là quỹ đại chúng dạng mở.

1.5 Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

1.6 Mức độ rủi ro ngắn hạn

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn thấp.

1.7 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 3 tháng 4 năm 2019.

1.8 Quy mô của Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 212.147.745.088 Đồng Việt Nam, tương ứng với 22.732.273,59 chứng chỉ quỹ.

1.9 Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

1.10 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1 THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC (tiếp theo)

1.11 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ Quỹ ở thời điểm báo cáo

Quỹ không có phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư từ khi thành lập cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2021.

2 SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

2.1. Cơ cấu tài sản của Quỹ

	Tại ngày 30/6/2021 %	Tại ngày 30/6/2020 %	Tại ngày 30/6/2019 %
1. Danh mục chứng khoán	28,67	13,79	0,84
2. Tài sản khác	71,33	86,21	99,16
	100,00	100,00	100,00

2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Tại ngày 30/6/2021	Tại ngày 30/6/2020	Tại ngày 30/6/2019
1. NAV của Quỹ (VND)	212.147.745.088	43.920.664.612	60.112.740.613
2. Tổng số CCQ đang lưu hành (số lượng)	22.732.273,59	4.572.808,43	5.943.376,54
3. NAV của 1 đơn vị CCQ (VND)	9.332,44	9.604,74	10.114,24
4. NAV cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	9.664,14	10.487,49	10.114,24
5. NAV thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	9.283,89	9.553,65	9.987,93
6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND)	-	-	-
7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	-	-	-
8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	-	-	-
9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ (%) (*)	(3,53%)	(6,93%)	-
9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	(3,83%)	2,44%	-
9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	0,30%	(9,37%)	-
10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VND)	-	-	-
11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ (VND)	-	-	-
12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	-	-	-
13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	3,31%	3,42%	2,92%
14. Tốc độ vòng quay danh mục (%) (**)	247,19%	75,26%	196,96%

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DẠNG
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

3 MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ BÁO CÁO (tiếp theo)

Kỳ hạn	Tổng phát hành Quý 1 2021 (Tỷ Đồng)	Kế hoạch phát hành quý 2 2021	Phát hành T6 2021 (Tỷ Đồng)	Lũy kế phát hành quý 2 (Tỷ Đồng)	% hoàn thành kế hoạch Quý 2 2021	Kế hoạch 2021 (Tỷ Đồng)	% hoàn thành kế hoạch 2021
	5 Y	4350	10000	1000	9419	94.2%	20000
7 Y	1781	4,000	500	750	18.8%	15000	16.9%
10 Y	14900	35,000	20656	60242	172.1%	120000	62.6%
15 Y	12581	35,000	8482	26072	74.5%	135000	28.6%
20 Y	2140	8,000	370	1300	16.3%	30000	11.5%
30 Y	3453	8,000	795	4505	56.3%	30000	26.5%
	39205	100,000	31803	102288	102.3%	350000	40.4%

Trong tháng 6 có 92 đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) với giá trị phát hành là 53,773 tỷ Đồng, trong số đó có 1.500 tỷ Đồng đã được phát hành ra công chúng. Trong 6 tháng đầu năm, tổng cộng 304 TPDN đã được phát hành với tổng giá trị 186.683 tỷ Đồng, trong đó có 291 đợt phát hành riêng lẻ và 13 đợt phát hành ra công chúng, 2 đợt ra thị trường quốc tế với tổng giá trị 700 triệu USD. Phát hành riêng lẻ của TPDN chiếm 94,8% tổng giá trị phát hành trong 6 tháng đầu năm, 13 đợt phát hành ra công chúng có giá trị 9.584 tỷ Đồng. Trong 6 tháng đầu năm, nhóm ngân hàng thương mại phát hành nhiều nhất với tổng giá trị phát hành đạt 68.113 tỷ Đồng. Đứng thứ hai là nhóm các công ty bất động sản với tổng số phát hành 61.988 tỷ Đồng. Trong 6 tháng đầu năm, có 2 đợt phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, chủ thể phát hành là Tập đoàn Vingroup (500 triệu USD) và trái phiếu xanh của Công ty Cổ phần Địa ốc BIM (200 triệu USD). Lãi suất TPDN do các tổ chức tín dụng phát hành dao động từ 3,0% - 7,5%/năm đối với kỳ hạn từ 2 đến 3 năm, từ 6,2% - 7,8%/năm đối với trái phiếu có kỳ hạn từ 7 đến 15 năm. Lãi suất phát hành đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh khác từ 6,0% - 13%/năm cho các kỳ hạn từ 1 năm đến 15 năm.

4 CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	0,30	Không áp dụng	(0,61)
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	(3,14)	Không áp dụng	(6,06)
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	(2,84)	Không áp dụng	(6,68)
Tăng trưởng hàng năm(%) /1 đơn vị CCQ	(2,84)	Không áp dụng	(3,03)
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu (*)	Không có	Không có	Không có
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ (**)	Không có	Không có	Không có

(*) Quỹ không có danh mục cơ cấu.

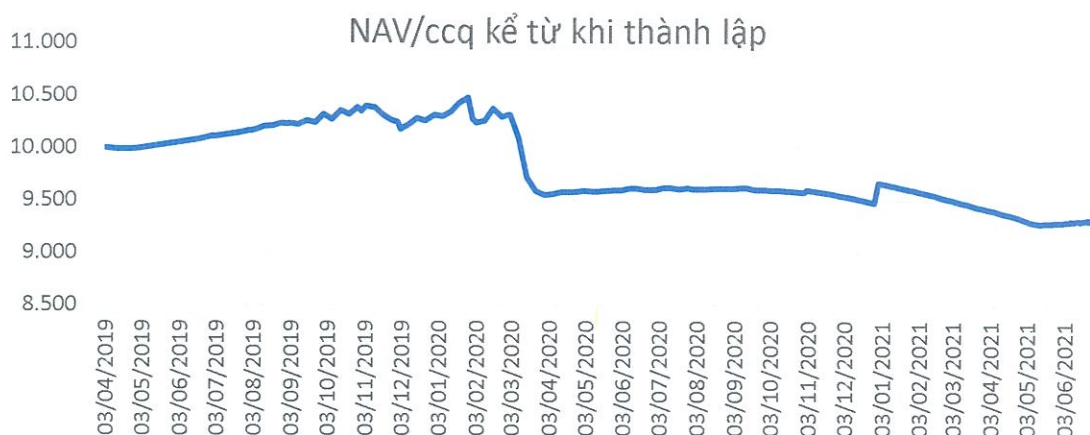
(**) Quỹ không có giá trị thị trường.

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

4 CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)



Thay đổi NAV:

Chỉ tiêu	30/6/2021	30/6/2020	Tỷ lệ thay đổi
NAV của Quỹ	212.147.745.088	43.920.664.612	383,02%
NAV trên 1 đơn vị CCQ	9.332,44	9.604,74	(2,84%)

Trong giai đoạn từ ngày 30 tháng 6 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, Quỹ có giá trị tài sản ròng (NAV) trên một chứng chỉ quỹ giảm 2,84%. Ngoài ra, do việc thay đổi định hướng đầu tư và danh mục đầu tư từ tháng 5/2021 nên tổng giá trị tài sản ròng của quỹ tăng 383,02% trong cùng kỳ.

4.2. Thống kê về nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	50	31.739,69	0,14%
Từ 5.000 đến 10.000	4	26.371,73	0,12%
Từ 10.000 đến 50.000	4	143.682,22	0,63%
Từ 50.000 đến 500.000	2	504.148,86	2,22%
Trên 500.000	2	22.026.331,09	96,89%
Tổng cộng	62	22.732.273,59	100,00%

4.3 Chi phí ngầm và giảm giá

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ DCIP, Công ty quy định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ DCIP với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

5 THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Tại thời điểm báo cáo, Công ty Quản lý Quỹ không có đủ thông tin để đưa ra nhận định về triển vọng thị trường.

6 THÔNG TIN KHÁC

Nhân sự điều hành của Quỹ gồm có:

- Bà Lương Thị Mỹ Hạnh, Thạc sỹ Kinh tế. Bà hiện là Giám đốc quản lý tài sản, khối trong nước:
 - Từ 2010 đến 12/03/2021: Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam.
 - Từ 12/03/2021 đến nay là Giám đốc Quản lý tài sản, khối trong nước Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam
- Ông Trần Lê Minh, Thạc sỹ Quản Trị Tài chính. Ông hiện là Giám đốc chi nhánh Hà Nội:
 - Từ 2011 đến 12/03/2021: Phó Tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội – công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
 - Từ 12/03/2021 đến nay Giám đốc chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam.

Ban Đại diện Quỹ gồm có:

- Bà Nguyễn Bội Hồng Lê, Chủ tịch Ban đại diện quỹ, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.
 - Từ 2010 đến 2012: Trưởng phòng giao dịch chứng khoán công ty CP chứng khoán dầu khí
 - Từ 2012 đến nay: Chuyên gia Kinh tế và Quản lý dầu khí Viện Dầu khí Việt Nam
- Bà Vương Thị Hoàng Yến, Thành viên, Cử nhân Kế toán – Kiểm toán.
 - 8/2004-11/2007: kế toán trưởng công ty TNHH Minh Thắng
 - 12/2007 – 4/2012: Kiểm toán viên, trưởng phòng kiểm toán công ty kiểm toán AS
 - 9/2012-5/2013: Kiểm toán viên, giám đốc kiểm toán công ty Hợp danh kiểm toán FA
 - Từ 2013 đến 12/2019: Kiểm toán viên, giám đốc kiểm toán công ty kiểm toán Đại Tín.
 - Từ 01/2020 đến nay: Giám đốc nghiệp vụ Công ty TNHH kiểm toán Chuẩn Vàng.
- Bà Trần Ngọc Hân, Thành viên, Thạc sỹ luật- Luật sư. Bà hiện là Chuyên viên cao cấp phòng Pháp chế tuân thủ Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam.

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

6 THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Ban điều hành của Công ty Quản lý Quỹ gồm có:

Ông Beat Schurch, Tổng Giám đốc, Thạc sỹ Kinh tế, từ 30/12/2020 đến nay : Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2021





BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Gia Tăng Thu Nhập Cố Định DC (tiền thân là “Quỹ Đầu Tư Định Hướng Bảo Toàn Vốn Việt Nam”) (“Quỹ”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với các quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan, cụ thể như sau:

➤ Theo Điểm a, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98”) và Điều 11, Điều lệ Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư thường niên thông qua có hiệu lực từ tháng 04 năm 2020 quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: “Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại ngân hàng giám sát, quỹ mở không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; và công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.” Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định trong thời gian cho phép.

Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định trong thời gian cho phép.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 11, Điều lệ Quỹ.

➤ Theo Điểm c, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 11, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: “Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành; tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; và công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật (nếu có) của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ.” Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định trong thời gian cho phép.





Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào một tổ chức phát hành đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định trong thời gian cho phép.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ vẫn tiếp tục phát sinh sai lệch so với quy định tại Điểm c, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 11, Điều lệ Quỹ.

- Theo Điểm g, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 11, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: “Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phải sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ.” Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định trong thời gian sớm nhất.

Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, tổng giá trị các khoản phải trả của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định trên.

Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Điểm g, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 11, Điều lệ Quỹ.

- Theo Khoản 14, Điều 2, Thông tư 98 và Mục 2, Điều lệ Quỹ quy định: “Quỹ trái phiếu là quỹ đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng trở lên.” Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định trong thời gian sớm nhất.

Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào các công cụ có thu nhập cố định đã phát sinh sai lệch so với quy định ở trên.

Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Khoản 14, Điều 2, Thông tư 98 và Mục 2, Điều lệ Quỹ.

- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.



- d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, Quý không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.
- e) Các thông tin khác
- Theo Khoản 11, Điều 20, Thông tư 98 quy định: “Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày giá trị tài sản ròng của quỹ giảm xuống dưới 30 tỷ đồng, công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đề xuất phương án khắc phục.”

Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, giá trị tài sản ròng của Quý đã giảm xuống thấp hơn 30 tỷ đồng. Ngày 08 tháng 09 năm 2020, Công ty Quản Lý Quỹ đã gửi Công văn số 203/VFM-2020 tới Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước để báo cáo về tình trạng giá trị tài sản ròng của Quý và đề xuất phương án khắc phục theo quy định.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, giá trị tài sản ròng của Quý đã tuân thủ quy định pháp luật hiện hành.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Bùi Thị Huyền Trang

Phó phòng Dịch vụ Quản trị và Giám sát Quỹ

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Minh Hiền

Nhân viên bộ phận Giám sát

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BÀN TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

Mẫu số B 01g – QM

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
01	I. THU NHẬP/(LỖ) VÀ DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		1.593.964.065	(3.102.938.245)
02	1.1. Cổ tức được chia	5.1	195.000	100.000
03	1.2. Tiền lãi được nhận	5.2	1.577.358.980	1.763.898.220
04	1.3. Lãi/(lỗ) bán các khoản đầu tư	5.3	27.482.643	(5.236.142.882)
05	1.4. Chênh lệch (giảm)/tăng do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5.4	(11.072.558)	369.206.417
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		(26.425.490)	(37.730.834)
11	2.1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	5.5	(6.425.490)	(37.730.834)
15	2.5. Chi phí đầu tư khác		(20.000.000)	-
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		(919.876.254)	(911.800.634)
20.1	3.1. Phí quản lý Quỹ mở	8(a)(i)	(340.622.514)	(331.407.450)
20.2	3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản của Quỹ mở	5.6	(70.351.026)	(77.473.002)
20.3	3.3. Phí dịch vụ giám sát Quỹ mở	8(a)(ii)	(108.900.000)	(108.900.000)
20.4	3.4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	8(a)(ii)	(223.575.000)	(223.575.000)
20.5	3.5. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		(66.000.000)	(66.000.000)
20.7	3.7. Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở		(201.586)	-
20.8	3.8. Chi phí kiểm toán		(49.808.328)	(49.682.077)
20.10	3.10. Chi phí hoạt động khác	5.7	(60.417.800)	(54.763.105)
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		647.662.321	(4.052.469.713)

Các thuyết minh từ trang 24 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BÀN TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

Mẫu số B 01g – QM

**BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)**

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN/(LỖ) KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		647.662.321	(4.052.469.713)
31	6.1. Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện	6.8	658.734.879	(4.421.676.130)
32	6.2. (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	6.8	(11.072.558)	369.206.417
40	VII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)		-	-
41	VIII. LỢI NHUẬN/(LỖ) KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		647.662.321	(4.052.469.713)



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam
Beat Schurch
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam
Lâm Thị Loan
Trưởng phòng Kế toán Quỹ
Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam
Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng
Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 24 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢN TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

Mẫu số B 02g – QM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 30/6/2021 VND	Tại ngày 31/12/2020 VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	6.1	26.058.396.910	11.697.575.455
	Trong đó:			
	1.1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ		558.396.910	7.697.575.455
111				
112	1.2. Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		25.500.000.000	4.000.000.000
120	2. Các khoản đầu tư thuần		181.408.049.725	35.831.500
121	2.1. Các khoản đầu tư	6.2	181.408.049.725	35.831.500
130	3. Các khoản phải thu		4.929.853.422	249.941.306
133	3.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		4.929.853.422	8.219.176
136	3.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	6.3	4.929.853.422	8.219.176
137	3.3. Phải thu khác		-	241.722.130
100	TỔNG TÀI SẢN		212.396.300.057	11.983.348.261
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
313	3. Phải trả cho các đại lý phân phối và Công ty Quản lý Quỹ		-	5.166.742
	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		4.367.133	675.602
314				
316	6. Chi phí phải trả	6.4	58.401.848	54.364.754
317	7. Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	6.5	3.114.200	-
318	8. Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	6.5	-	21.587.610
319	9. Phải trả các dịch vụ quản lý Quỹ mở	6.6	177.712.884	77.912.500
320	10. Phải trả khác		4.958.904	12.800.000
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		248.554.969	172.507.208

Các thuyết minh từ trang 24 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BÀN TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

Mẫu số B 02g – QM

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)**

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 30/6/2021 VND	Tại ngày 31/12/2020 VND
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ	6.7	212.147.745.088	11.810.841.053
411	1. Vốn góp của nhà đầu tư		227.322.735.900	12.209.040.200
412	1.1. Vốn góp phát hành		300.107.202.400	74.769.506.700
413	1.2. Vốn góp mua lại		(72.784.466.500)	(62.560.466.500)
414	2. Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư		(13.785.339.068)	1.639.114.918
420	3. Lỗ lũy kế	6.8	(1.389.651.744)	(2.037.314.065)
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN MỘT ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		9.332,44	9.673,84
440	V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ		-	-
	VI. CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ			
004	4. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ)		22.732.273,59	1.220.904,02



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam
Beat Schurch
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam
Lâm Thị Loan
Trưởng phòng Kế toán Quỹ
Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam
Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng
Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 24 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BÀN TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

Mẫu số B 03g – QM

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG,
GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

Mã số	Chi tiêu	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (“NAV”) đầu kỳ	11.810.841.053	69.306.104.798
II	Thay đổi NAV so với kỳ trước	647.662.321	(4.052.469.713)
	<i>Trong đó:</i>		
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong kỳ	647.662.321	(4.052.469.713)
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	199.689.241.714	(21.332.970.473)
	<i>Trong đó:</i>		
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	209.286.278.000	1.217.000.039
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(9.597.036.286)	(22.549.970.512)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ	212.147.745.088	43.920.664.612
V	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ cuối kỳ	9.332,44	9.604,74



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam
Beat Schurch
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam
Lâm Thị Loan
Trưởng phòng Kế toán Quỹ
Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam
Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng
Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 24 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢN TOÀN VỐN VIỆT NAM**

Mẫu số B 04g – QM

**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

STT	Chi tiêu	Số lượng	Giá trị thị trường tại ngày 30/6/2021 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản của Quỹ %
I	Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đang giao dịch trên UPCoM				
1	FPT	17	88.000	1.496.000	0,00%
				<u>1.496.000</u>	<u>0,00%</u>
II	Trái phiếu niêm yết				
1	Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc – CTCP KBC12006	400.000	102.221	40.888.400.000	19,25%
				<u>40.888.400.000</u>	<u>19,25%</u>
III	Trái phiếu chưa niêm yết				
1	CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt – PDRH2123001	100	100.000.003	10.000.000.300	4,71%
2	CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền – KDHH2125001	10	1.000.000.000	10.000.000.000	4,71%
				<u>20.000.000.300</u>	<u>9,42%</u>

Các thuyết minh từ trang 24 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BÀN TOÀN VỐN VIỆT NAM**

Mẫu số B 04g – QM

**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021
(tiếp theo)**

STT	Chi tiêu	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản của Quỹ %
IV	Tài sản khác		
	Phải thu ròng về thu nhập cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	4.929.853.422	2,32%
		<u>4.929.853.422</u>	<u>2,32%</u>
V	Tiền		
1	Tiền gửi ngân hàng	558.396.910	0,26%
2	Tiền gửi có kỳ hạn không quá ba (03) tháng	25.500.000.000	12,01%
3	Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng	40.000.000.000	18,83%
4	Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng	80.518.153.425	37,91%
		<u>146.576.550.335</u>	<u>69,01%</u>
V	Tổng giá trị danh mục	<u>212.396.300.057</u>	<u>100,00%</u>



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon
Capital Việt Nam
Beat Schurch
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon
Capital Việt Nam
Lâm Thị Loan
Trưởng phòng Kế toán Quỹ
Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon
Capital Việt Nam
Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng
Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 24 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BÀN TOÀN VỐN VIỆT NAM**

Mẫu số B 05g – QM

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)**

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng	Kỳ sáu tháng
			30/6/2021	30/6/2020
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
01	1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế TNDN		647.662.321	(4.052.469.713)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản giảm/(tăng) giá trị tài sản ròng từ hoạt động đầu tư		5.597.215	(416.211.891)
03	Chênh lệch giảm/(tăng) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5.4	11.072.558	(369.206.417)
04	Chi phí trích trước		(5.475.343)	(47.005.474)
05	3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		653.259.536	(4.468.681.604)
20	(Tăng)/giảm các khoản đầu tư		(181.383.290.783)	44.180.325.197
07	(Tăng)/giảm dự thu phải thu cổ tức và tiền lãi các khoản đầu tư		(4.921.634.246)	432.356.436
08	Giảm phải thu khác		241.722.130	-
11	(Giảm)/tăng phải trả các đại lý phân phối và Công ty Quản lý Quỹ		(5.166.742)	9.776.245
13	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		3.691.531	2.260.702
14	Tăng/(giảm) phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		3.114.200	(2.000.000)
15	Giảm phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		(21.587.610)	(7.185.001)
16	Tăng/(giảm) các khoản phải trả khác		1.671.341	(7.583.691)
17	Tăng/(giảm) phải trả các dịch vụ quản lý Quỹ		99.800.384	(24.536.959)
19	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(185.328.420.259)	40.114.731.325
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	6.7	209.286.278.000	1.217.000.039
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	6.7	(9.597.036.286)	(22.549.970.512)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		199.689.241.714	(21.332.970.473)
40	III. Tăng tiền thuần trong kỳ		14.360.821.455	18.781.760.852

Các thuyết minh từ trang 24 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BÀN TOÀN VỐN VIỆT NAM**

Mẫu số B 05g – QM

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)**

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết	Kỳ sáu tháng kết
			thúc ngày 30/6/2021 VND	thúc ngày 30/6/2020 VND
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		11.697.575.455	7.221.522.473
52	Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền cho hoạt động của Quỹ mở		11.697.575.455	7.221.522.473
53	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ		-	-
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	6.1	26.058.396.910	26.003.283.325
57	Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền cho hoạt động của Quỹ mở		26.058.396.910	26.002.283.325
58	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ		-	1.000.000
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		14.360.821.455	18.781.760.852



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam
Beat Schurch
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam
Lâm Thị Loan
Trưởng phòng Kế toán Quỹ
Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam
Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng
Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 24 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC

1.1 Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ mở

Quỹ Đầu Tư Trái phiếu Gia tăng Thu nhập Có định DC (tên trước đây là Quỹ Đầu tư Định hướng Bảo Toàn Vốn Việt Nam) (“Quỹ”) là quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng dạng mở được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 36/GCN-UBCK ngày 3 tháng 4 năm 2019 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”). Theo Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng này, Quỹ không giới hạn về thời hạn hoạt động. Ngày 24 tháng 5 năm 2021, Quỹ đổi tên thành Quỹ Đầu tư Trái phiếu Gia tăng Thu nhập Có định DC theo Giấy chứng nhận số 14/GCN-UBCK do UBCKNN cấp.

Chứng chỉ quỹ được chào bán ra công chúng lần đầu theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 79/GCN-UBCK ngày 21 tháng 12 năm 2018 do UBCKNN cấp. Theo quy định của Giấy phép này, Quỹ được phép phát hành tối thiểu 5.000.000,00 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam/chứng chỉ quỹ.

Quỹ không có nhân viên và do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) quản lý. Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) được chỉ định là ngân hàng giám sát và lưu ký của Quỹ.

1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ

Quy mô vốn

Vốn điều lệ của Quỹ theo Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ là 56.697.400.000 Đồng Việt Nam.

Quy mô vốn của Quỹ dựa trên số vốn thực góp của nhà đầu tư được trình bày tại Thuyết minh 6.7.

Mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương, Trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam...), giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định. Mục tiêu đầu tư của Quỹ đồng thời hướng tới việc đáp ứng nhu cầu của người đầu tư có nhu cầu đầu tư trong khoảng thời gian tới 12 tháng. Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ và Bản cáo bạch.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng (“NAV”)

Giai đoạn trước ngày 04 tháng 05 năm 2021:

NAV của Quỹ được xác định vào ngày định giá là ngày Thứ ba hàng tuần và mỗi tháng. Ngày định giá là ngày làm việc (của kỳ định giá tuần) và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (của kỳ định giá tháng).

Giai đoạn từ ngày 04 tháng 05 năm 2021 trở đi:

NAV của Quỹ phải được xác định hàng ngày vào các ngày làm việc và ngày đầu tiên mỗi tháng. Ngày định giá là ngày làm việc (của kỳ định giá ngày), ngày thứ Sáu hàng tuần (của kỳ định giá tuần) và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (của kỳ định giá hàng tháng). Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ thay đổi kỳ xác định NAV của Quỹ thì Công ty Quản lý Quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban đại diện Quỹ trước khi thực hiện.

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(tiếp theo)**

1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)

Phương pháp xác định NAV của Quỹ

NAV của Quỹ là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan tại ngày trước ngày định giá. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản.

Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá. Phương thức xác định giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán phải được ngân hàng giám sát xác nhận là phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

NAV trên một chứng chỉ quỹ (“CCQ”) được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng CCQ đang lưu hành tại ngày giao dịch trước ngày định giá.

NAV trên một CCQ là số lẻ ở dạng thập phân, lấy đến hai số thập phân sau dấu phẩy.

Tần suất giao dịch CCQ

Giai đoạn trước ngày 04 tháng 05 năm 2021:

Chứng chỉ Quỹ được giao dịch 01 (một) tuần 01 (một) lần, vào các ngày thứ Ba hàng tuần (“Ngày Giao Dịch”). Trong trường hợp ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì sẽ chuyển sang kỳ giao dịch tiếp theo.

Giai đoạn từ ngày 04 tháng 05 năm 2021 trở đi:

Chứng chỉ Quỹ được giao dịch hàng ngày vào các ngày làm việc trong tuần, ngoại trừ ngày làm việc bù rơi vào ngày thứ 7 và/hoặc Chủ nhật. Trường hợp ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ. Công ty quản lý Quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư, Đại lý phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể khi có các ngày nghỉ Lễ xảy ra trên trang thông tin điện tử của công ty hoặc bằng thư điện tử.

Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

Phân phối thu nhập của Quỹ

Quỹ không phân phối lợi nhuận. Toàn bộ lợi nhuận của Quỹ phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ được tích lũy làm gia tăng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN (tiếp theo)

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”), cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Quỹ.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Quỹ được xác định dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch chứng khoán có ảnh hưởng lớn đến giá giao dịch và thanh toán. Ngoài ra, Quỹ còn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán để huy động các nguồn lực tài chính như phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo thu nhập giữa niên độ.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày báo cáo lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Quỹ thường xuyên có giao dịch tại ngày trước ngày định giá (ngày báo cáo). Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo thu nhập giữa niên độ.

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở bao gồm Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở (“Thông tư 198/2012/TT-BTC”), Thông tư 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục (“ETF”) và quỹ mở (“Thông tư 181/2015/TT-BTC”), Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho quỹ mở.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và danh mục đầu tư, kết quả hoạt động, thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Thông tư 198/2012/TT-BTC, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.2 Hình thức kế toán áp dụng

Quý áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng cho hoạt động của Quý, tiền gửi của nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ, tiền gửi của Quý cho mục đích thanh toán cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ, tiền gửi phong tỏa tổng hợp về mua chứng chỉ quỹ và các khoản đầu tư ngắn hạn dưới ba (03) tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư

Nguyên tắc phân loại

Quý phân loại các chứng khoán được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là tại ngày Quý ký kết hợp đồng mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quý đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày báo cáo theo Thông tư 198/2012/TT-BTC. Mức giá để đánh giá lại được xác định theo pháp luật chứng khoán hiện hành và Điều lệ Quý.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đánh giá lại

(a) *Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (hệ thống UPCoM)*

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Các cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá được đánh giá lại theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 12 tháng trước ngày định giá;
- Giá mua;
- Giá trị sổ sách;
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận

Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá đóng cửa cuối cùng của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Trường hợp cổ phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên thì cổ phiếu được định giá như trường hợp cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang trong quá trình làm thủ tục niêm yết.

(b) *Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch*

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Giá trị sổ sách;
- Mệnh giá;
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

(c) *Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản*

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo thứ tự ưu tiên như sau:

- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể

(d) *Cổ phần, vốn góp khác (bao gồm cả cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang trong quá trình làm thủ tục niêm yết)*

Các cổ phiếu này được đánh giá theo giá trị trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đánh giá lại (tiếp theo)

(d) *Cổ phần, vốn góp khác (bao gồm cả cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang trong quá trình làm thủ tục niêm yết) (tiếp theo)*

Trường hợp không đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá, các cổ phiếu này được đánh giá lại theo thứ tự ưu tiên sau:

- Giá trung bình từ hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt;
- Giá của kỳ định giá gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá;
- Giá mua;
- Giá trị sổ sách;
- Giá xác định theo mô hình lý thuyết được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

(e) *Trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán*

Các trái phiếu này được định giá căn cứ vào giá yết bình quân gia quyền theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán cho các giao dịch thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế.

Trong các trường hợp không có giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá; hoặc chỉ có các giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán với giá có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sở tay Định giá thì giá trái phiếu thực hiện theo giá mua cộng lãi lũy kế.

(f) *Trái phiếu không niêm yết*

Trái phiếu không niêm yết được định giá theo giá trị trung bình của các giao dịch thành công tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt cộng lãi lũy kế.

Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá, các trái phiếu này được đánh giá lại theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Giá trị trung bình của hai (02) tổ chức báo giá cộng lãi lũy kế;
- Giá mua cộng lãi lũy kế.

(g) *Trái phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản*

Trái phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản được định giá theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.

(h) *Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi*

Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi được định giá theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đánh giá lại (tiếp theo)

(i) Chứng chỉ Quỹ

Chứng chỉ Quỹ được định giá theo giá trị tài sản ròng đơn vị Quỹ tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

(j) Chứng khoán phái sinh niêm yết

Giá trị của chứng khoán phái sinh niêm yết được xác định theo giá thanh toán cuối ngày theo quy định hoặc tên gọi khác được yết trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Trong trường hợp không có giá thanh toán cuối ngày hoặc không có giá yết trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán gần nhất trước ngày định giá, giá sẽ được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

(k) Các tài sản được phép đầu tư khác

Tùy theo từng trường hợp cụ thể, giá của các tài sản sẽ được xác định phù hợp theo một trong các phương pháp sau:

- Giá trị trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp; hoặc
- Giá được xác định theo phương pháp được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

(l) Tiền gửi có kỳ hạn

Tiền gửi có kỳ hạn được định giá bằng giá trị tiền gửi cộng lãi phải thu tính tới ngày trước ngày định giá.

(m) Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng

Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng được định giá bằng giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.

(n) Quyền mua cổ phiếu

Giá trị của quyền mua cổ phiếu được xác định bằng hiệu số của giá thị trường của cổ phiếu tại ngày báo cáo và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ cần có để mua một cổ phần mới. Giá trị của quyền mua cổ phiếu bằng không (0) khi giá thị trường của cổ phiếu tại ngày báo cáo thấp hơn số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua.

Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ theo quy định tại Thông tư 198/2012/TT-BTC.

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DẠNG
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của những khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các khoản phải thu khác.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ sau khi được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

Dự phòng phát sinh trong kỳ liên quan đến phải thu bán chứng khoán được hạch toán vào chi phí trong báo cáo thu nhập giữa niên độ.

Dự phòng phát sinh trong kỳ liên quan đến cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác được hạch toán giảm thu nhập trong báo cáo thu nhập giữa niên độ.

4.4 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo nguyên giá của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

4.5 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức đầu tư trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 (“Thông tư 78/2014/TT-BTC”) được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111/2013/TT-BTC”) được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92/2015/TT-BTC”) do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.5 Thuế (tiếp theo)

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư 111/2013/TT-BTC được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 92/2015/TT-BTC, Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78/2014/TT-BTC.

4.6 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi:

- Quỹ có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra;
- Việc thanh toán nghĩa vụ nợ phát sinh do sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra; và
- Giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy.

Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

4.7 Vốn góp của nhà đầu tư

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi CCQ có mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam.

Số lượng chứng chỉ quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch chứng chỉ quỹ sau ngày chuyển đổi hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty quản lý Quỹ với chứng chỉ của Quỹ. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.7 Vốn góp của nhà đầu tư (tiếp theo)

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ sau ngày thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty quản lý Quỹ với chứng chỉ của Quỹ. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư

Thặng dư vốn góp phản ánh chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá trên một chứng chỉ quỹ được phát hành/mua lại.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối

Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện trong kỳ là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong kỳ là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ, Quỹ xác định lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối".

Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối kỳ.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Lợi nhuận được phân phối cho nhà đầu tư bởi Công ty Quản lý Quỹ sau khi đã khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.8 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ nhận được các lợi ích kinh tế một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập giữa niên độ khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.9 Chi phí

Chi phí được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và theo nguyên tắc thận trọng.

4.10 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những cá nhân quản lý chủ chốt, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Quỹ liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Quỹ căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4.11 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198/2012/TT-BTC không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DẠNG
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Cổ tức được chia

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Cổ tức đã nhận	195.000	100.000

5.2 Tiền lãi được nhận

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Tiền lãi đã nhận	318.957.612	721.370.822
Dự thu tiền lãi	1.258.401.368	1.042.527.398
	1.577.358.980	1.763.898.220

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)

Mẫu số B 06g – QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.3 Lãi bán các khoản đầu tư

	Tổng giá trị thu từ việc bán các khoản đầu tư VND	Giá trung bình của các khoản đầu tư cho đến ngày giao dịch gần nhất VND	Lãi đã thực hiện trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	(Lỗ)/lãi đã thực hiện lũy kế đến ngày 30/6/2021 VND	(Lỗ)/lãi đã thực hiện trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	(Lỗ)/lãi đã thực hiện lũy kế đến ngày 31/12/2020 VND
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đang giao dịch trên UPCoM	50.929.120	23.446.477	27.482.643	(5.106.818.137)	(5.259.727.121)	(5.134.300.780)
Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng	-	-	-	158.938.165	-	158.938.165
Trái phiếu	-	-	-	(70.095.488)	23.584.239	(70.095.488)
	50.929.120	23.446.477	27.482.643	(5.017.975.460)	(5.236.142.882)	(5.045.458.103)

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CỔ ĐÌNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

5.4 Chênh lệch tăng do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện

	Giá trị số sách tại ngày 30/6/2021 VND	Giá trị trường tại ngày 30/6/2021 VND	Lãi/(lỗ) chưa thực hiện từ đánh giá lại các khoản đầu tư lũy kế tại ngày 30/6/2021 VND	Lãi chưa thực hiện từ đánh giá lại các khoản đầu tư lũy kế tại ngày 31/12/2020 VND	Chênh lệch giảm do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đang giao dịch trên UPCoM	608.523	1.496.000	887.477	11.776.500	(10.889.023)
Trái phiếu niêm yết	40.888.583.561	40.888.400.000	(183.561)	-	(183.561)
Trái phiếu chưa niêm yết	20.000.000.274	20.000.000.300	26	-	26
Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng	80.518.153.425	80.518.153.425	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-	-
	<u>181.407.345.783</u>	<u>181.408.049.725</u>	<u>703.942</u>	<u>11.776.500</u>	<u>(11.072.558)</u>

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.5 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí môi giới bán	73.860	30.287.581
Chi phí môi giới mua	6.351.630	7.122.708
Phí thanh toán bù trừ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD")	-	320.545
	<u>6.425.490</u>	<u>37.730.834</u>

5.6 Phí dịch vụ lưu ký tài sản của Quỹ mở

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Phí dịch vụ lưu ký – bảo quản tài sản (Thuyết minh 8(a)(ii))	69.000.000	69.000.000
Phí giao dịch mua, bán chứng khoán (Thuyết minh 8(a)(ii))	1.350.000	7.580.000
Phí dịch vụ lưu ký – phí VSD	1.026	893.002
	<u>70.351.026</u>	<u>77.473.002</u>

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.7 Chi phí hoạt động khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Thù lao Ban đại diện Quỹ (Thuyết minh 8(a)(iii))	39.786.095	47.166.309
Phí ngân hàng	14.572.801	6.496.796
Phí quản lý thường niên trả cho UBCKNN	4.958.904	-
Chi phí khác	1.100.000	1.100.000
	60.417.800	54.763.105

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền thể hiện tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại các đơn vị sau đây:

	Tại ngày 30/6/2021 VND	Tại ngày 31/12/2020 VND
1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	558.396.910	7.697.575.455
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ tại Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) (Thuyết minh 8(b))	558.396.910	7.697.575.455
2. Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	25.500.000.000	4.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	17.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.500.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	5.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	500.000.000	2.000.000.000
	26.058.396.910	11.697.575.455

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CỐ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6.2 Các khoản đầu tư

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 như sau:

	Chênh lệch do đánh giá lại			Giá trị đánh giá lại theo giá trị thị trường VND
	Giá mua VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đang giao dịch trên UPCoM	608.523	887.477	-	1.496.000
Trái phiếu niêm yết	40.888.583.561	-	(183.561)	40.888.400.000
Trái phiếu chưa niêm yết	20.000.000.274	26	-	20.000.000.300
Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng	80.518.153.425	-	-	80.518.153.425
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
	181.407.345.783	887.503	(183.561)	181.408.049.725

Chi tiết các khoản đầu tư tại Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Chênh lệch do đánh giá lại			Giá trị đánh giá lại theo giá trị thị trường VND
	Giá mua VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đang giao dịch trên UPCoM	24.055.000	11.776.500	-	35.831.500
Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-
Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng	-	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng	-	-	-	-
	24.055.000	11.776.500	-	35.831.500

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÍNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 như sau:

	Số lượng	Giá mua VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Lãi suất/ năm	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đang giao dịch trên UPCoM						
FPT	17	608.523	1.496.000			
		608.523	1.496.000			
Trái phiếu niêm yết						
Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc – CTCP – KBC12006	400.000	40.888.583.561	40.888.400.000	11%	28/07/2020	28/01/2022
Trái phiếu chưa niêm yết						
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt – PDRH2123001	100	20.000.000.274	20.000.000.300	13%	02/02/2021	02/02/2023
CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền – KDHH2125001	10	10.000.000.000	10.000.000.000	12%	14/06/2021	14/06/2025
Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng						
Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng						
VNVPFE211122	40.000	39.980.104.110	39.980.104.110	8,00%	20/11/2020	21/11/2022
Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam						
VNHCVN260124	10	10.133.751.918	10.133.751.918	8,30%	26/01/2021	26/01/2024
VNHCVN241123	30	30.404.297.397	30.404.297.397	8,30%	25/11/2020	24/11/2023
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng						
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh				5,35~5,55%		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam				4,90%		
		40.000.000.000	40.000.000.000			
		22.000.000.000	22.000.000.000			
		18.000.000.000	18.000.000.000			
		181.407.345.783	181.408.049.725			

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6.3 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận

	Tại ngày 30/6/2021 VND	Tại ngày 31/12/2020 VND
Phải thu lãi chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng	2.562.219.178	-
Phải thu lãi trái phiếu doanh nghiệp	2.126.027.397	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	241.606.847	8.219.176
	<u>4.929.853.422</u>	<u>8.219.176</u>

6.4 Chi phí phải trả

	Tại ngày 30/6/2021 VND	Tại ngày 31/12/2020 VND
Chi phí kiểm toán	46.365.753	44.000.000
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 8(b))	12.036.095	10.364.754
	<u>58.401.848</u>	<u>54.364.754</u>

6.5 Phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ

Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ thể hiện số tiền nhận từ nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ hợp lệ và chờ phát hành.

Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ thể hiện số tiền phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ hợp lệ và chờ thanh toán.

6.6 Phải trả các dịch vụ quản lý Quỹ

	Tại ngày 30/6/2021 VND	Tại ngày 31/12/2020 VND
Phí quản lý Quỹ (Thuyết minh 8(b))	98.900.384	-
Phí quản trị Quỹ (Thuyết minh 8(b))	37.262.500	37.262.500
Phí giám sát Quỹ (Thuyết minh 8(b))	18.150.000	18.150.000
Phí lưu ký (Thuyết minh 8(b))	11.500.000	11.500.000
Phí đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000
Phí giao dịch (Thuyết minh 8(b))	900.000	-
	<u>177.712.884</u>	<u>77.912.500</u>

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6.7 Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Đơn vị	Số dư tại ngày 31/12/2020	Phát sinh trong kỳ	Số dư tại ngày 30/6/2021
Vốn góp phát hành				
Số lượng	CCQ	7.476.950,67	22.533.769,57	30.010.720,24
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	74.769.506.700	225.337.695.700	300.107.202.400
Thặng dư vốn góp phát hành	VND	272.625.404	(16.051.417.700)	(15.778.792.296)
Tổng giá trị phát hành				
Chứng chỉ quỹ	VND	75.042.132.104	209.286.278.000	284.328.410.104
Vốn góp mua lại				
Số lượng	CCQ	(6.256.046,65)	(1.022.400,00)	(7.278.446,65)
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	(62.560.466.500)	(10.224.000.000)	(72.784.466.500)
Thặng dư vốn góp mua lại của Nhà đầu tư	VND	1.366.489.514	626.963.714	1.993.453.228
Tổng giá trị mua lại				
chứng chỉ quỹ	VND	(61.193.976.986)	(9.597.036.286)	(70.791.013.272)
Giá trị vốn góp hiện hành	VND	13.848.155.118	199.689.241.714	213.537.396.832
Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối	VND	(2.037.314.065)	647.662.321	(1.389.651.744)
NAV hiện hành	VND	11.810.841.053		212.147.745.088
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	CCQ	1.220.904,02		22.732.273,59
NAV hiện hành/1 chứng chỉ quỹ	VND/CCQ	9.673,84		9.332,44

6.8 (Lỗ)/lợi nhuận chưa phân phối

	Số dư tại ngày 31/12/2020	Phát sinh trong kỳ	Số dư tại ngày 30/6/2021
	VND	VND	VND
(Lỗ)/lợi nhuận đã thực hiện	(2.049.090.565)	658.734.879	(1.390.355.686)
Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	11.776.500	(11.072.558)	703.942
(Lỗ)/lợi nhuận chưa phân phối	(2.037.314.065)	647.662.321	(1.389.651.744)

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CỐ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

7 THUYẾT MINH VỀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

STT	Ngày tính NAV	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021			
		NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ ("CCQ")	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(Giảm) NAV/CCQ VND
1	31/12/2020	11.810.841.053	1.220.904,02	9.673,84	
2	04/01/2021	11.798.990.310	1.220.904,02	9.664,14	(9,70)
3	11/01/2021	11.778.547.481	1.220.799,63	9.648,22	(15,92)
4	18/01/2021	10.790.266.564	1.120.403,27	9.630,69	(17,53)
5	25/01/2021	10.434.985.059	1.085.506,45	9.613,01	(17,68)
6	31/01/2021	10.416.985.658	1.085.506,45	9.596,42	(16,59)
7	01/02/2021	10.412.140.928	1.085.506,45	9.591,96	(4,46)
8	08/02/2021	10.392.792.423	1.085.506,45	9.574,14	(17,82)
9	15/02/2021	9.415.799.757	985.610,89	9.553,26	(20,88)
10	22/02/2021	9.395.828.739	985.610,89	9.533,00	(20,26)
11	28/02/2021	9.377.455.299	985.610,89	9.514,35	(18,65)
12	01/03/2021	9.374.451.469	985.610,89	9.511,31	(3,04)
13	08/03/2021	9.353.490.763	985.610,89	9.490,04	(21,27)
14	15/03/2021	9.343.308.437	986.662,72	9.469,60	(20,44)
15	22/03/2021	9.320.358.458	986.462,72	9.448,26	(21,34)
16	29/03/2021	9.300.675.061	986.574,09	9.427,24	(21,02)
17	31/03/2021	9.205.936.197	977.127,63	9.421,42	(5,82)
18	05/04/2021	9.191.666.031	977.127,63	9.406,82	(14,60)
19	12/04/2021	9.163.567.325	976.233,93	9.386,65	(20,17)
20	19/04/2021	9.135.542.131	975.442,64	9.365,53	(21,12)
21	26/04/2021	7.488.101.731	801.680,12	9.340,51	(25,02)
22	30/04/2021	6.250.033.031	670.354,32	9.323,47	(17,04)
23	03/05/2021	6.241.190.723	670.354,32	9.310,28	(13,19)
24	04/05/2021	6.229.403.477	669.442,05	9.305,36	(4,92)
25	05/05/2021	6.228.203.808	669.549,51	9.302,08	(3,28)
26	06/05/2021	6.039.431.945	649.549,51	9.297,87	(4,21)
27	09/05/2021	11.031.189.386	1.187.307,07	9.290,93	(6,94)
28	10/05/2021	11.028.338.890	1.187.307,07	9.288,53	(2,40)
29	11/05/2021	11.012.178.871	1.185.921,83	9.285,75	(2,78)
30	12/05/2021	11.009.641.813	1.185.821,83	9.284,39	(1,36)
31	13/05/2021	113.878.860.218	12.266.280,51	9.283,89	(0,50)
32	16/05/2021	113.882.410.549	12.266.388,22	9.284,10	0,21
33	17/05/2021	113.888.742.742	12.266.281,45	9.284,69	0,59
34	18/05/2021	113.895.776.063	12.266.292,22	9.285,26	0,57
35	19/05/2021	114.885.257.173	12.371.835,84	9.286,03	0,77
36	20/05/2021	114.895.362.143	12.371.835,84	9.286,84	0,81
37	23/05/2021	114.921.229.087	12.371.835,84	9.288,93	2,09
38	24/05/2021	114.478.870.564	12.323.281,39	9.289,64	0,71
39	25/05/2021	114.488.119.645	12.323.313,68	9.290,36	0,72
40	26/05/2021	214.493.994.329	23.087.159,21	9.290,61	0,25
41	27/05/2021	211.274.621.472	22.740.320,65	9.290,74	0,13
42	30/05/2021	211.280.394.635	22.740.320,65	9.291,00	0,26
43	31/05/2021	211.365.837.446	22.740.320,65	9.294,76	3,76
44	01/06/2021	211.385.936.670	22.740.320,65	9.295,64	0,88
45	02/06/2021	211.477.238.756	22.740.320,65	9.299,65	4,01

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

7 THUYẾT MINH VỀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV) (tiếp theo)

STT	Ngày tính NAV	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021			
		NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ ("CCQ")	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(Giảm) NAV/CCQ VND
46	03/06/2021	211.439.838.366	22.740.535,71	9.297,92	(1,73)
47	06/06/2021	211.535.939.530	22.740.750,81	9.302,06	4,14
48	07/06/2021	211.268.604.581	22.711.255,92	9.302,37	0,31
49	08/06/2021	211.470.201.496	22.711.255,92	9.311,25	8,88
50	09/06/2021	211.319.080.068	22.711.255,92	9.304,59	(6,66)
51	10/06/2021	211.385.625.581	22.710.044,67	9.308,02	3,43
52	13/06/2021	211.411.013.270	22.710.044,67	9.309,14	1,12
53	14/06/2021	211.436.884.279	22.710.044,67	9.310,28	1,14
54	15/06/2021	211.273.240.607	22.690.044,67	9.311,27	0,99
55	16/06/2021	211.185.962.460	22.689.937,02	9.307,47	(3,80)
56	17/06/2021	211.322.955.435	22.689.851,51	9.313,54	6,07
57	20/06/2021	211.410.767.672	22.689.281,43	9.317,64	4,10
58	21/06/2021	211.465.393.233	22.689.281,43	9.320,05	2,41
59	22/06/2021	211.495.647.788	22.689.335,07	9.321,36	1,31
60	23/06/2021	211.310.474.528	22.689.227,36	9.313,25	(8,11)
61	24/06/2021	211.344.999.043	22.689.238,09	9.314,76	1,51
62	27/06/2021	211.647.270.346	22.689.345,44	9.328,04	13,28
63	28/06/2021	211.681.283.240	22.689.345,44	9.329,54	1,50
64	29/06/2021	212.112.934.036	22.732.273,59	9.330,91	1,37
65	30/06/2021	212.147.745.088	22.732.273,59	9.332,44	1,53
Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ		57.226.592.724			
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 chứng chỉ quỹ trong kỳ - mức cao nhất		(25,02)			
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 chứng chỉ quỹ trong kỳ - mức thấp nhất		0,13			

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DẠNG
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

7 THUYẾT MINH VỀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV) (tiếp theo)

STT	Ngày tính NAV	NAV VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020		
			Số lượng chứng chỉ quỹ ("CCQ")	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(Giảm) NAV/CCQ VND
1	31/12/2019	69.306.104.798	6.715.931,99	10.319,65	
2	6/1/2020	69.206.156.660	6.715.931,99	10.304,77	(14,88)
3	13/1/2020	69.365.598.873	6.703.514,43	10.347,64	42,87
4	20/1/2020	69.989.910.417	6.705.640,51	10.437,46	89,82
5	27/1/2020	70.330.212.483	6.706.099,78	10.487,49	50,03
6	31/1/2020	68.955.641.943	6.706.099,78	10.282,52	(204,97)
7	3/2/2020	68.689.016.864	6.706.099,78	10.242,76	(39,76)
8	10/2/2020	68.906.436.243	6.714.690,91	10.262,04	19,28
9	17/2/2020	69.668.309.717	6.711.031,48	10.381,16	119,12
10	24/2/2020	69.121.698.806	6.711.512,90	10.298,97	(82,19)
11	29/2/2020	69.246.525.287	6.712.149,67	10.316,59	17,62
12	2/3/2020	69.243.983.060	6.712.149,67	10.316,21	(0,38)
13	9/3/2020	61.502.063.438	6.088.705,72	10.101,00	(215,21)
14	16/3/2020	52.883.253.789	5.440.236,26	9.720,76	(380,24)
15	23/3/2020	52.167.547.701	5.439.473,80	9.590,55	(130,21)
16	30/3/2020	50.873.714.353	5.325.051,25	9.553,65	(36,90)
17	31/3/2020	47.257.050.585	4.946.352,11	9.553,91	0,26
18	6/4/2020	47.295.821.014	4.946.352,11	9.561,75	7,84
19	13/4/2020	47.912.515.618	5.001.960,51	9.578,74	16,99
20	20/4/2020	46.982.188.366	4.902.908,51	9.582,51	3,77
21	27/4/2020	47.015.863.992	4.904.062,56	9.587,12	4,61
22	30/4/2020	47.058.064.672	4.906.175,18	9.591,59	4,47
23	4/5/2020	47.057.522.532	4.906.175,18	9.591,48	(0,11)
24	11/5/2020	47.029.922.612	4.905.927,69	9.586,34	(5,14)
25	18/5/2020	47.133.306.043	4.912.242,88	9.595,06	8,72
26	25/5/2020	47.016.426.615	4.898.929,55	9.597,28	2,22
27	31/5/2020	46.616.284.855	4.855.982,26	9.599,76	2,48
28	1/6/2020	46.617.707.845	4.855.982,26	9.600,05	0,29
29	8/6/2020	46.293.748.007	4.815.094,15	9.614,29	14,24
30	15/6/2020	46.284.907.823	4.813.414,61	9.615,81	1,52
31	22/6/2020	44.307.872.855	4.613.909,96	9.603,10	(12,71)
32	29/6/2020	43.922.006.013	4.573.324,30	9.603,95	0,85
33	30/6/2020	43.920.664.612	4.572.808,43	9.604,74	0,79

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ 55.513.582.525

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 chứng chỉ quỹ trong kỳ - mức cao nhất (380,24)

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 chứng chỉ quỹ trong kỳ - mức thấp nhất (0,11)

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DẠNG
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

8 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong kỳ, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

(i) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Dragon Capital Việt Nam, Công ty Quản lý Quỹ

	Kỳ sáu tháng kết thức ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thức ngày 30/6/2020 VND
Phí quản lý Quỹ	340,622,514	331.407.450

Phí quản lý Quỹ được tính định kỳ vào các kỳ định giá dựa trên số ngày thực tế của chu kỳ định giá và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá. Tỷ lệ phí quản lý Quỹ là 1,2% của giá trị tài sản ròng của Quỹ.

(ii) Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) ("Standard Chartered"), Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản (*) (Thuyết minh 5.7)	69.000.000	69.000.000
Phí giám sát Quỹ mở (*)	108.900.000	108.900.000
Phí quản trị Quỹ mở (*)	223.575.000	223.575.000
Phí giao dịch mua, bán chứng khoán (**) (Thuyết minh 5.7)	1.350.000	7.580.000
Phí ngân hàng	14.572.800	6.465.250
Thu nhập lãi tiền gửi	5.351.445	8.370.820

(*) Các phí này được tính định kỳ vào các kỳ định giá dựa trên số ngày thực tế trong kỳ và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá. Phí giám sát Quỹ và phí quản trị Quỹ thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng (VAT) với mức thuế suất 10%.

Phí quản trị Quỹ bao gồm phí dịch vụ quản trị Quỹ và phí dịch vụ lập báo cáo tài chính cho Quỹ. Trong đó, phí dịch vụ lập báo cáo tài chính là 70.500.000 Đồng Việt Nam /năm tương đương 5.875.000 Đồng Việt Nam /tháng (chưa bao gồm thuế VAT).

Tỷ lệ phí lưu ký, phí giám sát và phí dịch vụ quản trị Quỹ trong kỳ lần lượt như sau:

	Phí lưu ký	Phí giám sát Quỹ	Phí dịch vụ quản trị Quỹ
Tỷ lệ phí	0,05% NAV/năm Tối thiểu 11,5 triệu đồng/tháng	0,03% NAV/năm Tối thiểu 16,5 triệu đồng/tháng	0,04% NAV/năm Tối thiểu 28 triệu đồng/tháng

(**) Phí giao dịch mua, bán chứng khoán là 150.000 Đồng Việt Nam/giao dịch (không chịu VAT)

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DẠNG
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

8 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

(iii) Thù lao cho Ban Đại diện Quỹ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Thù lao cho Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 5.7)	39.786.095	47.166.309

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu trong hợp đồng. Thù lao cho Ban đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập giữa niên độ.

(b) Số dư với các bên liên quan

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, số dư với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/6/2021 VND	Tại ngày 31/12/2020 VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Dragon Capital Việt Nam		
Phí quản lý Quỹ phải trả (Thuyết minh 6.6)	98.900.384	-
Phải thu khác	-	241.722.130
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)		
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ (Thuyết minh 6.1)	558.396.910	7.697.575.455
Phí lưu ký phải trả (Thuyết minh 6.6)	11.500.000	11.500.000
Phí giám sát Quỹ phải trả (Thuyết minh 6.6)	18.150.000	18.150.000
Phí quản trị Quỹ phải trả (Thuyết minh 6.6)	37.262.500	37.262.500
Phí giao dịch phải trả (Thuyết minh 6.6)	900.000	-
Ban Đại diện Quỹ		
Trích trước thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 6.4)	12.036.095	10.364.754

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CỐ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

9 CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỜ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động đầu tư (*)		
1 Chi phí hoạt động/NAV trung bình trong kỳ (%)	3,31%	3,42%
2 Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/2/NAV trung bình trong kỳ (%) (*)	247,19%	75,26%

(*) Chỉ tiêu này không tính đến giá trị cam kết của các hợp đồng tương lai chỉ số.

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế về trình bày và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư số 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư số 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh, trong đó bao gồm các chính sách quản lý rủi ro tài chính và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

Quỹ có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

Rủi ro tín dụng
Rủi ro thanh khoản
Rủi ro thị trường

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm chứng khoán niêm yết, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ được có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Ngân hàng Giám sát giám sát việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư theo cơ sở hàng ngày, hàng tháng. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi, các khoản đầu tư chứng khoán nợ và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng và các chứng chỉ tiền gửi mà Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)

(a) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chứng khoán đầu tư của Quỹ chỉ được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số tín dụng được quy định. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán được thanh toán hoặc chi trả vào thời điểm chuyển giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán, việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư bao gồm phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và phải thu từ cổ tức. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu được đánh giá thấp do các bên đối tác có chỉ số tín dụng ở mức an toàn và các khoản phải thu có thời hạn thanh toán ngắn. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác. Quỹ có rủi ro thanh khoản cao do phải đáp ứng yêu cầu mua lại chứng chỉ quỹ từ các nhà đầu tư.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao, bao gồm tiền và chứng khoán niêm yết, nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tất cả các khoản nợ phải trả của Quỹ có thời hạn thanh toán dưới 1 năm.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Quỹ không có các khoản nợ liên quan đến công cụ tài chính phái sinh.

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Quỹ nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro này phát sinh khi lãi suất thị trường tăng thì những khoản đầu tư có thu nhập cố định của Quỹ như: trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi có kỳ hạn cố định, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng bị giảm giá trị, đặc biệt là những khoản đầu tư có thời gian đáo hạn dài.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ vì hầu hết các khoản trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi có kỳ hạn cố định và chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng của Quỹ đều hưởng lãi suất cố định.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ là có gốc tiền tệ là tiền Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư vào chứng khoán mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, nếu giá trái phiếu tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ cao hơn/thấp hơn 408.884.000 Đồng Việt Nam tương ứng.

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính của Quỹ bao gồm:

- Tiền
- Công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác;
- Quyền theo hợp đồng để:
 - Nhận tiền mặt hoặc tài sản tài chính khác từ đơn vị khác; hoặc
 - Trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện có thể có lợi cho Quỹ;
- Hợp đồng sẽ hoặc có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Quỹ.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ là các nghĩa vụ mang tính bắt buộc để thanh toán tiền hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác hoặc trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện không có lợi cho Quỹ hoặc là các hợp đồng sẽ hoặc có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Quỹ.

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ phải trả có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính hiện chưa được đề cập trong Thông tư số 210 cũng như trong các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198/2012/TT-BTC, Thông tư 181/2015/TT-BTC, Thông tư số 98/2020/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các quỹ mở.

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Do đó, Quỹ áp dụng phương pháp định giá tài sản ròng theo Thông tư 98/2020/TT-BTC, Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt để xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính khác và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định bằng giá trị ghi sổ do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CỐ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ tại ngày cuối kỳ/năm như sau:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Tài sản tài chính				
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	26.058.396.910	11.697.575.455	26.058.396.910	11.697.575.455
Các khoản đầu tư thuần	181.408.049.725	35.831.500	181.408.049.725	35.831.500
- Đầu tư vào chứng khoán cơ sở	1.496.000	35.831.500	1.496.000	35.831.500
- Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng	80.518.153.425	-	80.518.153.425	-
- Trái phiếu niêm yết	40.888.400.000	-	40.888.400.000	-
- Trái phiếu chưa niêm yết	20.000.000.300	-	20.000.000.300	-
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-
Phải thu ròng về thu nhập cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	4.929.853.422	8.219.176	4.929.853.422	8.219.176
- Phải thu cổ tức ròng	-	-	-	-
- Phải thu lãi chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng	2.562.219.178	-	2.562.219.178	-
- Phải thu lãi trái phiếu doanh nghiệp	2.126.027.397	-	2.126.027.397	-
- Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	241.606.847	8.219.176	241.606.847	8.219.176
Phải thu khác	-	241.722.130	-	241.722.130
Tổng cộng	212.396.300.057	11.983.348.261	212.396.300.057	11.983.348.261
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho các đại lý phân phối CCQ và Công ty Quản lý Quỹ	-	5.166.742	-	5.166.742
Chi phí phải trả	58.401.848	54.364.754	58.401.848	54.364.754
Phải trả cho nhà đầu tư về mua CCQ	3.114.200	-	3.114.200	-
Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại CCQ	-	21.587.610	-	21.587.610
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	177.712.884	77.912.500	177.712.884	77.912.500
Phải trả khác	4.958.904	12.800.000	4.958.904	12.800.000
Tổng cộng	244.187.836	171.831.606	244.187.836	171.831.606

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CÓ ĐỊNH DC
(TÊN TRƯỚC ĐÂY LÀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM)**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

11 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cần điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ.

12 PHÊ CHUẨN PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được Ban Đại diện Quỹ phê chuẩn để phát hành vào ngày 11 tháng 8 năm 2021.



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon
Capital Việt Nam
Beat Schurch
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon
Capital Việt Nam
Lâm Thị Loan
Trưởng phòng Kế toán Quỹ
Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon
Capital Việt Nam
Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng
Ngày 11 tháng 8 năm 2021